

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2020

V/v: Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU TH, TỈNH K GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nhâm Đức Hùng;

2. Ông Hà Ứng Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh K Giang.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh K Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trương Văn Đ**, sinh năm 1985;

Địa chỉ : ấp Vĩnh Th A, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh K
(Anh Đ có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim Ng**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp Vĩnh Th A, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh K.

Chỗ ở hiện nay :

(Chị Ng có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-8-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Văn Đ trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị Kim Ng chung sống với nhau vào năm 2003, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau này thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi

nhau nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm để duy trì cuộc hôn nhân nhưng không Th, vợ chồng anh đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Ng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc, nên anh quyết định ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim Ng.

Quá trình chung sống anh và chị Ng có 02 con chung tên Trương Thị Cẩm H, sinh ngày 16-9-2004 và Trương Văn Đ2, sinh ngày 25-12-2008, hiện nay cháu Đ2 sống cùng anh còn cháu H đang sống với chị Ng.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Trương Văn Đ có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với Huỳnh Thị Kim Ng.
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trương Văn Đ2, sinh ngày 25-12-2008 và đồng ý giao con tên Trương Thị Cẩm H, sinh ngày 16-9-2004 cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-8-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Huỳnh Thị Kim Ng trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh Trương Văn Đ về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay anh Đ yêu cầu xin ly hôn thì chị có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Trương Văn Đ
- Về con chung: Xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trương Thị Cẩm H, sinh ngày 16-9-2004; Đồng ý giao con tên Trương Văn Đ2, sinh ngày 25-12-2008 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét Đ2 Đ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trương Văn Đ khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn chị Huỳnh Thị Kim Ng hộ khẩu thường trú ấp Vĩnh Th A, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh K Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh K Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn Đ và chị Huỳnh Thị Kim Ng chung sống với nhau vào năm 2003 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có Đ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận anh Trương Văn Đ và chị Huỳnh Thị Kim Ng là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Trương Văn Đ và chị Huỳnh Thị Kim Ng xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Trương Thị Cẩm H, sinh ngày 16-9-2004 và Trương Văn Đ2, sinh ngày 25-12-2008. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ và chị Ng thống nhất thỏa thuận giao cháu Đ2 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu H thì giao cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của anh Đ và chị Ng phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của các con, nên HĐXX ghi nhận

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho anh Trương Văn Đ, chị Huỳnh Thị Kim Ng về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho đến khi Đ 18 tuổi theo quy định

của pháp luật nhưng anh Đ, chị Ng xác định không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và việc anh Đ, chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Anh Trương Văn Đ và chị Huỳnh Thị Kim Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Trương Văn Đ và chị Huỳnh Thị Kim Ng cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trương Văn Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trương Văn Đ và chị Huỳnh Thị Kim Ng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Trương Văn Đ và chị Huỳnh Thị Kim Ng thống nhất giao con tên Trương Thị Cẩm H, sinh ngày 16-9-2004 cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con tên Trương Văn Đ2, sinh 25-12-2008 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyên

vọng của các con). Anh Đ và chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đ và chị Ng có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Trương Văn Đ và chị Huỳnh Thị Kim Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Trương Văn Đ và chị Huỳnh Thị Kim Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Trương Văn Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng anh Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006554 ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh K ; anh Đ không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- Các đ- ong sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Th
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

